

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn giữa  
Anh V và chị M”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Hồng Điệp
2. Bà Phạm Thị Kim Tuyền

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký TAND huyện C.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở TAND huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh V**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp Cầu Xây, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Chị **Đặng Thị M**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Ấp Rạch Bòng, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Minh V trình bày như sau:* Anh V và chị Đặng Thị M tổ chức lễ cưới năm 2018, hôn nhân do tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2019, do Ủy ban nhân dân xã Tn, huyện C cấp ngày 27/8/2019. Sau khi cưới, anh V và chị M chung sống tại nhà của anh V ở ấp Cầu Xây, xã T, huyện C; vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi sinh con thì chị M thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cho con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh V và chị M đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay nhưng không bên nào có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay, anh V xét thấy không còn tình cảm với chị M nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị M.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc T, sinh ngày 21/6/2019, anh V đang nuôi dưỡng cháu T. Khi ly hôn, anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có tài sản chung.

Về nợ: Không có nợ chung.

*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Đặng Thị M trình bày như sau:* Chị M thống nhất với trình bày của anh Nguyễn Minh V về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống. Theo chị M, vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc cho đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M và anh V bất đồng quan điểm vấn đề sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát lẫn nhau. Chị M bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và có hàn gắn tình cảm nhưng khoảng 02 – 03 tháng nay thì anh V không đến thăm chị M nữa, nguyên nhân là do anh V có quan hệ người phụ nữ khác, sống không chung thủy, chị có thiện chí hàn gắn tình cảm nhưng anh Vương không đồng ý. Chị M vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh V nên không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho chị M và anh V ly hôn thì chị M đồng ý để anh V được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Đặng Ngọc T, sinh ngày 21/6/2019, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có tài sản chung.

Về nợ: Không có nợ chung.

Do bận công việc nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đặng Thị M có nơi cư trú tại Ấp Rạch Bòng, xã T, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 28, 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn chị Đặng Thị M đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M.

[2] Về nội dung tranh chấp: Anh Nguyễn Minh V và chị Đặng Thị M chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Theo anh V nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do sau khi sinh con thì chị M thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cho con dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị M. Chị M cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và cho rằng anh V có quan hệ người phụ nữ khác nhưng chị không đồng ý ly hôn vì chị còn thương anh V.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh V và chị M đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhưng cả hai vẫn không hàn gắn được hạnh phúc. Anh V cương quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với chị M. Chị M không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét thấy, mâu thuẫn giữa anh V và chị M đã đến

mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh V yêu cầu được ly hôn với chị M là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh V.

[3] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh V và chị Đặng Thị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng Ngọc T, sinh ngày 21/6/2019, đang do anh V nuôi dưỡng. Xét thấy, anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị M đồng ý nên phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung của anh V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Anh V và chị M đều xác định không có tài sản chung nên không đề cập.

[5] Về nợ chung: Anh V và chị M đều xác định không có nợ chung nên không đề cập.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Minh V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51; 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Minh V đối với chị Đặng Thị M.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh V được ly hôn với chị Đặng Thị M.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh V được tiếp tục nuôi người con chung Nguyễn Đăng Ngọc T, sinh ngày 21/6/2019. Chị Đặng Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Minh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh V đã nộp theo biên lai thu số 0006028 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C sang án phí sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Nhung**